

Bản án số: 140/2022/DS-PT

Ngày 16-11-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2022/TLPT-DS ngày 05/9/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Kim T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Chị Đỗ Thị Hải Y, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Toà án nhân dân huyện T, thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/01/2022, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hải Y trình bày: Anh Bùi Kim T là bạn của chồng chị, nên ngày 26/6/2015 anh T có hỏi vay tiền của vợ chồng chị, vợ chồng chị đã đồng ý cho vay với số tiền 83.000.000 đồng và đã giao đủ số tiền trên cho anh T, khi giao

tiền vay thì chị có viết giấy biên nhận vay tiền, trong giấy biên nhận vay tiền các bên có thỏa thuận về lãi suất là 500.000 đồng/tháng, thời hạn vay 01 năm (từ 26/6/2015 đến 26/6/2016), mục đích vay tiền để mua xe ô tô buôn hoa quả, giấy biên nhận vay tiền trên anh T đã ký và ghi họ tên tại mục người vay. Khi viết giấy biên nhận vay tiền thì anh T có đọc cho chị số chứng minh nhân dân của anh T để chị ghi vào giấy biên nhận, còn địa chỉ của anh T là do chị viết nhầm thành thôn H, nhưng thực tế khi anh T vay tiền của vợ chồng chị thì anh T có địa chỉ tại thôn H. Chị khẳng định anh T có vay của vợ chồng chị số tiền 83.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì anh T không trả gốc và lãi như cam kết, chị đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Chị xác định số tiền cho vay trên là tài sản chung của vợ chồng chị và mục đích vay tiền của anh T là để mua xe ô tô, phát triển kinh tế gia đình nên chị xác định khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng anh T, chị Thực. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh T, chị Thực phải trả vợ chồng chị số tiền 83.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/6/2015 đến ngày 26/01/2022 là 39.500.000 đồng, chị đề nghị tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa chị Y trình bày: Khi vay tiền thì anh T là người trực tiếp vay, chị Thực là vợ anh T không trực tiếp vay tiền, nên tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc cá nhân anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng chị số tiền 83.000.000 đồng gốc và tiền lãi đến ngày xét xử 14/7/2022 tính 84 tháng thành tiền là 42.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Bùi Kim T trình bày: Anh xác định trong giấy biên nhận vay tiền có trong hồ sơ vụ án thì phần địa chỉ người vay không phải địa chỉ của anh, số chứng minh nhân dân không đúng với số chứng minh nhân dân của anh, anh không được ký ở phần người vay nên anh xác định không vay tiền của vợ chồng chị Y.

Tại phiên tòa anh T trình bày: Giấy biên nhận vay tiền có trong hồ sơ vụ án là do anh ký, nhưng khi đó anh chỉ ký vay số tiền 8.000.000 đồng, chứ không phải 83.000.000 đồng. Giấy vay tiền trên chị Y có ghi thêm số 3 vào sau số 8 nên thành 83.000.000 đồng và phần ghi bằng chữ cũng chỉ ghi tám ba triệu mà không ghi tám mươi ba triệu. Anh xác định chỉ vay số tiền vay 8.000.000 đồng của chị Y và anh đã trả đủ cho chị Y, khi trả anh không yêu cầu viết giấy biên nhận, nên anh không có tài liệu để nộp cho Tòa án. Nay anh xác định không còn nợ chị Y và anh không đồng ý trả số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn L trình bày: Ngày 26/6/2015, vợ chồng anh có cho anh T vay số tiền 83.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có thỏa thuận và viết giấy biên nhận vay tiền như trình bày của chị Y là đúng. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T phải trả vợ chồng anh số tiền 83.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Thực không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Với nội dung trên, Bản án dân sự số 22/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 161;

khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Hải Y.

1. Buộc anh Bùi Kim T phải trả cho vợ chồng chị Đỗ Thị Hải Y, anh Lê Văn L số tiền 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng) gốc và 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) lãi, tổng số là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/7/2022, anh Bùi Kim T kháng cáo bản án, với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hải Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hải Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Bùi Kim T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hải Y vì lý do anh không vay của chị Y 83.000.000đ mà chỉ vay 8.000.000đ và anh đã thanh toán đầy đủ cho chị Y; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Bùi Kim T. HĐXX thấy:

[1.1]. Về số tiền gốc vay và nghĩa vụ thanh toán: Chị Y yêu cầu anh T phải trả 83.000.000 đồng tiền vay: Kèm theo đơn khởi kiện thì chị Y có giao nộp cho Tòa án 01 giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy biên nhận vay tiền thể hiện người vay là Bùi Kim T, địa chỉ H, D, T, Bắc Giang, số tiền vay là 83.000.000 đồng, thời hạn trả 26/6/2016, lãi suất 500.000 đồng/tháng. Trong giấy biên nhận trên có chữ ký và viết tên Bùi Kim T ở mục người vay.

Do anh T không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận nêu trên nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 726/KL-KTHS ngày 04/5/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận chữ viết “Bùi Kim T” ở mục người vay trong giấy biên nhận vay tiền so với chữ viết của Bùi Kim T trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa, anh T thừa nhận có ký vào giấy biên nhận vay tiền trên, nhưng anh T cho rằng chỉ vay số tiền 8.000.000 đồng, chứ không phải 83.000.000 đồng. Giấy vay tiền trên chị Y có ghi thêm số 3 vào sau số 8 nên thành 83.000.000 đồng và phần ghi bằng chữ cũng chỉ ghi tám ba triệu mà không ghi tám mươi ba triệu.

Anh xác định chỉ vay số tiền vay 8.000.000 đồng của chị Y và anh đã trả đủ cho chị Y, khi trả anh không yêu cầu viết giấy biên nhận nhưng anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa, chị Y chỉ yêu cầu cá nhân anh T phải trả nợ, do đó nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân anh T nên bản án sơ thẩm đã xác định anh T có vay tiền của vợ chồng chị Y và buộc anh T phải thanh toán trả cho vợ chồng chị Y 83.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ.

[1.2] Về lãi suất: Chị Y yêu cầu anh T phải trả lãi theo mức lãi suất ghi trong giấy biên nhận là 500.000 đồng/tháng.

Bản án sơ thẩm đã xác định: Tại thời điểm xác lập hợp đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*” và theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “*Mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm*”. Đối chiếu với quy định trên thì thấy khi vợ chồng chị Y cho anh T vay tiền thì các bên thỏa thuận lãi suất với mức 0,602%/tháng, thỏa thuận trên là phù hợp, cần chấp nhận. Do đó, lãi suất được tính cụ thể: 500.000 đồng x 84 tháng 18 ngày = 42.300.000 đồng và buộc anh T phải có trách nhiệm trả vợ chồng chị Y số tiền lãi là 42.000.000 đồng là có căn cứ.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh Bùi Kim T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Bắc Giang đã đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Bùi Kim T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Kim T. Giữ nguyên Bản án dân sự số 22/2022/DS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông anh Bùi Kim T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ anh Bùi Kim T đã nộp theo biên lai thu số 0011789 ngày 05/8/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND, VKSND, THADS huyện T;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Nâu